

Số: **149** /GCN-BXD

Hà Nội, ngày **21** tháng **7** năm **2021**

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM**  
**CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

*Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;*

*Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Thái Anh và Biên bản đánh giá ngày 30/6/2021.*

**CHỨNG NHẬN:**

**1. Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Thái Anh**

Địa chỉ: Số 14 đường Vương Thúc Quý, khối 14, phường Trường Thi, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An

Mã số thuế: **2901274112**

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm vật liệu và kiểm định chất lượng công trình

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Ngõ 10 đường Đốc Thiệt, phường Hưng Bình, thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

**2. Mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD 1628**

**3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 5 năm kể từ ngày cấp./.**

**Nơi nhận:**

- Công ty CP đầu tư xây dựng Thái Anh;
- SXD tỉnh Nghệ An;
- TT Thông tin (*website*);
- Lưu VT, Vụ KHCN&MT.

**TL. BỘ TRƯỞNG**  
**VỤ TRƯỞNG**  
**VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**



**DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM  
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1628**

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng  
số: 149 /GCN-BXD ngày 21 tháng 7 năm 2021)

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT(*)
<b>1</b>	<b>XI MĂNG</b>	
	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030:2003
	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011
	Độ dẻo tiêu chuẩn, thời hạn đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015
	Xác định nhiệt thủy hóa	TCVN 6070:2005
<b>2</b>	<b>BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG</b>	
	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:1993
	Thử độ cứng Vebe	TCVN 3107:1993
	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993
	Xác định độ tách nước và tách vữa của hỗn hợp bê tông	TCVN 3109:1993
	Thí nghiệm phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:1993
	Xác định hàm lượng bọt khí vữa bê tông	TCVN 3111:1993
	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:1993
	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:1993
	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:1993
	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:1993
	Xác định độ chống thấm	TCVN 3116:1993
	Thử độ co	TCVN 3117:1993
	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:1993
	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:1993
	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bừa	TCVN 3120:1993
	Xác định cường độ lãng trụ và mô đun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:1993
	Xác định thời gian đông kết của bê tông	TCVN 9338:2012
<b>3</b>	<b>CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA</b>	
	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006
	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006
	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006
	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006
	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006
	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006
	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006
	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT(*)
	Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006
	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:2006
	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006
	Xác định hàm lượng mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:2006
	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:2006
	Xác định hệ số (ES)	ASTM D2419
	Phương pháp xác định góc dốc tự nhiên của cát	ASTM D1883; AASHTO T191
<b>4</b>	<b>ĐẤT TRONG PHÒNG</b>	
	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012
	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012
	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy dẻo	TCVN 4197:2012
	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014
	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:1995
	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012
	Đảm nén đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	TCVN 4201:2012
	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012
	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) – Trong phòng thí nghiệm (California Bearing Ratio)	22TCN 332-06
	Xác định hệ số thấm K	TCVN 8723:2012
	Xác định góc nghi tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:2012
<b>5</b>	<b>THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG</b>	
	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đai	TCVN 8729:2012; AASHTO T204
	Xác định độ ẩm; Khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22TCN 346-06; AASHTO T191 TCVN 8730:2012; ASTM D1556
	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011
	Thí nghiệm CBR hiện trường	ASTM D4429
	Đo điện trở đất	TCVN 9385:2012
	Xác định modul đàn hồi "E" nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
	Xác định modul đàn hồi bằng cần Benkelman	TCVN 8867:2011
	Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 9335:2012
	Phương pháp điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:2012
	Trắc địa công trình	TCVN 9898:2012
	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (thử nghiệm SPT)	TCVN 9351:2012
	Thí nghiệm xuyên động (DCP)	ASTM D1586
<b>6</b>	<b>KIM LOẠI, LIÊN KẾT HÀN</b>	
	Thử kéo	TCVN 197-1:2014; (ISO 6892:2009)
	Thử uốn	TCVN 198:2008; (ISO 7438:2005)
	Thử phá hủy mối hàn kim loại – Thử kéo dọc	TCVN 8311:2010

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT <sup>(*)</sup>
	Kiểm tra chất lượng mối hàn - Thử uốn	TCVN 5401:2010
	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 5402:2010
<b>7</b>	<b>VỮA XÂY DỰNG</b>	
	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2003; ASTM C1437
	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2003
	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9:2003
	Xác định kích thước cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2003
	Xác định Khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2003
	Xác định cường độ uốn và nén của vữa	TCVN 3121-11:2003; ASTM C109
	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18:2003
<b>8</b>	<b>THỬ NGHIỆM GẠCH</b>	
	<b>Gạch xây:</b> Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ bền nén; cường độ bền uốn; khối lượng thể tích; độ hút nước; độ rỗng	TCVN 6355-1-6:2009
	<b>Gạch bê tông:</b> Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén; độ hút nước; độ thấm nước; độ rỗng	TCVN 6477:2016
	<b>Gạch bê tông tự chèn:</b> Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén; độ hút nước; Xác định độ mài mòn	TCVN 6476:1999
<b>9</b>	<b>BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA</b>	
	Xác định thành phần hạt; Lượng mất khi nung; Khối lượng riêng; Khối lượng thể tích và độ rỗng; Hệ số háo nước; Hàm lượng chất hòa tan trong nước; Chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng chất	22TCN 58-84
	Xác định khối lượng riêng; Khối lượng thể tích và độ rỗng dư; Độ trương nở thể tích của hỗn hợp bột khoáng chất và nhựa đường	22TCN 58-84
	Độ ẩm	TCVN 7572-7:2006
	Chỉ số dẻo	TCVN 4197:2012
<b>10</b>	<b>NHỰA BITUM</b>	
	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005
	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005
	Xác định nhiệt độ hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005; ASTM D36
	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:2005; ASTM D92
	Xác định lượng tổn thất khối lượng sau khi gia nhiệt	TCVN 7499:2005; ASTM D6
	Xác định tỷ lệ độ kim lún của nhựa đường sau khi đun nóng ở 163°C trong 5 giờ so với độ kim lún ở 25°C	22TCN 279-01
	Xác định lượng hòa tan trong Trichloroethylene	TCVN 7500:2005; ASTM D2042
	Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501:2005; ASTM D70
	Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7504:2005
<b>11</b>	<b>BÊ TÔNG NHỰA</b>	
	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011
	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:2011

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT(*)
	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011
	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông Nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011
	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đá đầm nén	TCVN 8860-5:2011
	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011
	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011
	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011
<b>12</b>	<b>PHÂN TÍCH HÓA NƯỚC CHO XÂY DỰNG</b>	
	Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4560:1988
	Xác định hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560:1988
	Xác định độ pH	TCVN 6492:2011
	Xác định hàm lượng ion clorua (Cl <sup>-</sup> )	TCVN 6194:1996
	Xác định hàm lượng ion Sunfat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )	TCVN 6200:1996
	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 4565:1988

**Ghi chú (\*)** - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.

ỨNG